

KIỂM TRA GIỮA KÌ I-ĐỀ 1

Môn Toán – Lớp 7

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái có đáp án trả lời đúng nhất.

Câu 1. **_NB_** Trong các câu sau, câu nào đúng?

- A.** Số hữu tỉ âm nhỏ hơn số hữu tỉ dương.
- B.** Số 0 là số hữu tỉ dương.
- C.** Số nguyên âm không phải là số hữu tỉ âm.
- D.** Tập hợp Q gồm các số hữu tỉ dương và các số hữu tỉ âm.

Câu 2. **_NB_** Cho các số sau: $\frac{5}{4}; 3\frac{2}{5}; \frac{-2}{7}; \frac{0}{3}; \frac{3}{0}; \frac{-8}{-8}; 0,625$. Hãy cho biết số nào không phải là số hữu tỉ?

- A.** $\frac{3}{0}$.
- B.** $0,625$.
- C.** $\frac{-2}{7}$.
- D.** $3\frac{2}{5}$.

Câu 3. **_NB_** Chu kỳ của số thập phân vô hạn tuần hoàn $-4,31(2)$ là:

- A.** 312 .
- B.** 2 .
- C.** 12 .
- D.** $0,312$.

Câu 4. **_TH_** Giá trị của biểu thức $3^5 \cdot \frac{1}{27}$ là

- A.** 1 .
- B.** 9 .
- C.** 9^2 .
- D.** 9^4 .

Câu 5. **_NB_** Căn bậc hai số học của 81 là

- A.** 9 .
- B.** -9 .
- C.** ± 9 .
- D.** 81 .

Câu 6. **_NB_** Số $\sqrt{3}$ thuộc tập hợp số nào sau đây?

- A.** $\mathbb{Q}$.
- B.** $\mathbb{Z}$.
- C.** $\mathbb{R}$.
- D.** $\mathbb{N}$.

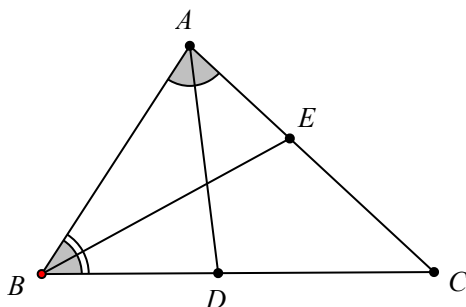
Câu 7. **_NB_** Giá trị tuyệt đối của $-1,5$ là

- A.** 2 .
- B.** $-1,5$.
- C.** $1,5$.
- D.** -2 .

Câu 8. **_NB_** Khẳng định nào dưới đây là đúng

- A.** Hai góc đối đỉnh thì bù nhau.
- B.** Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.
- C.** Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
- D.** Hai góc đối đỉnh thì phụ nhau.

Câu 9. **_NB_** Đọc tên các tia phân giác trong hình vẽ sau.



- A. AB, BE là các tia phân giác. B. AD, BC là các tia phân giác.
C. AD, BE là các tia phân giác. D. AD, AB là các tia phân giác.

Câu 10. _NB_ Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. Không có. B. Có vô số. C. Có ít nhất một. D. Chỉ có một.

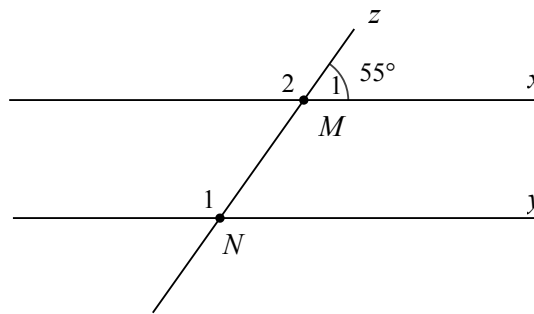
Câu 11. _NB_ Chọn câu trả lời đúng.

Trong định lí: "Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia."

Ta có giả thiết là:

- A. "Nếu một đường thẳng vuông góc".
B. "Nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".
C. "Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".
D. "Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song".

Câu 12. _TH_ Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M}_1 = 55^\circ$. Tính số đo góc $\widehat{N}_1$.



- A. $\widehat{N}_1 = 35^\circ$. B. $\widehat{N}_1 = 55^\circ$. C. $\widehat{N}_1 = 65^\circ$. D. $\widehat{N}_1 = 125^\circ$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm) _TH, VD_ Thực hiện phép tính

a) $\frac{-4}{12} + \frac{14}{21}$

b) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9}$

c) $0,1 \cdot \sqrt{400} + 0,2 \cdot \sqrt{1600}$

d) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 - \frac{5}{2} \cdot (-4) + 2022^0$

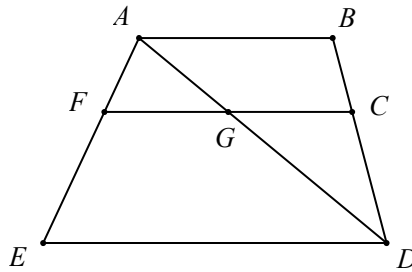
Câu 2 (1 điểm) _VD_ Tìm x , biết:

a) $\left(x - \frac{3}{5}\right) : \frac{-1}{3} = 0,4$

b) $|x - 1| = 4$

Câu 3 (1 điểm) _NB_ Cho hình vẽ sau, hãy chỉ ra:

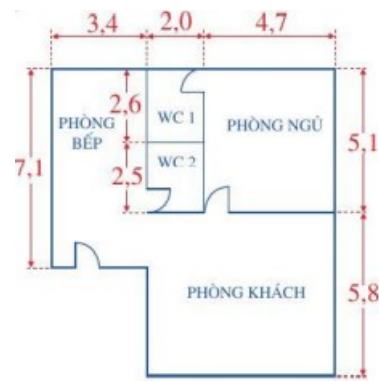
- a) Các cặp góc kề bù.
b) Các cặp góc đối đỉnh.



Câu 4 (2 điểm) _TH, VD_ Cho $\triangle ABC$ có $\angle ABC = 70^\circ$, $\angle ACB = 40^\circ$. Vẽ tia Cx là tia đối của tia CB . Vẽ tia Cy là tia phân giác của $\angle ACx$.

a) Tính $\angle ACx$, $\angle Cy$.

b) Chứng minh rằng $AB \parallel Cy$.



Câu 5 _VDC_(1 điểm) Theo yêu cầu của kiến trúc sư, khoảng cách tối thiểu giữa vòi nước và ổ cắm điện nhà bác Năm phải là 60 cm. Trên bản vẽ có tỉ lệ $\frac{1}{20}$ của thiết kế nhà bác Năm, khoảng cách từ ổ điện đến vòi nước đo được là 2,5 cm. Khoảng cách trên bản vẽ như vậy có phù hợp với yêu cầu của kiến trúc sư không? Vì sao?

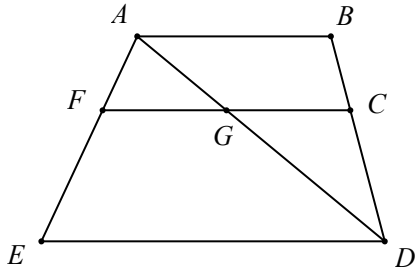
ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7

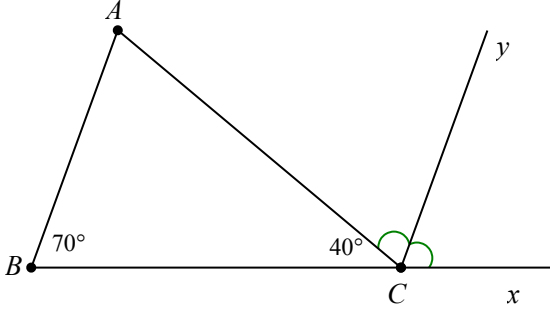
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	A	A	B	B	A	A	C	B	C	D	D	D

II. TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG	THANG ĐIỂM
1	Thực hiện phép tính a) $\frac{-4}{12} + \frac{14}{21} = \frac{-1}{3} + \frac{2}{3} = \frac{1}{3}$	0,5
	b) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} \cdot \frac{11}{9} = \frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} + \left(\frac{-8}{3} \right) \cdot \frac{9}{11} = \frac{-8}{3} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11} \right)$	0,5

	$= \frac{-8}{3} \cdot 1 = \frac{-8}{3}$	
	c) $0,1 \cdot \sqrt{400} + 0,2 \cdot \sqrt{1600} = 0,1 \cdot 20 + 0,2 \cdot 40 = 2 + 8 = 10$	0,5
	d) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 - \frac{5}{2} \cdot (-4) + 2022^0$ $= \frac{1}{9} - \frac{3}{8} : \left(\frac{1}{2}\right)^3 + 10 + 1 = \frac{1}{9} - \frac{3}{8} \cdot \frac{8}{1} + 11 = \frac{1}{9} - 3 + 11 = \frac{17}{9}$	0,5
2	<p>Tìm x, biết:</p> <p>a) $\left(x - \frac{3}{5}\right) : \frac{-1}{3} = 0,4$</p> $\left(x - \frac{3}{5}\right) = \frac{2}{5} \cdot \frac{-1}{3}$ $x - \frac{3}{5} = \frac{-2}{15}$	0,25
	$x = \frac{-2}{15} + \frac{3}{5}$ $x = \frac{7}{15}$ <p>Vậy $x = \frac{7}{15}$.</p>	0,25
	<p>b) $x - 1 = 4$</p> $\Rightarrow x - 1 = 4 \quad \text{hoặc} \quad x - 1 = -4$	0,25
	$\Rightarrow x = 5 \quad \text{hoặc} \quad x = -3$ <p>Vậy $x = 5$ hoặc $x = -3$</p>	0,25
3		0,5

	a) Các cặp góc kề bù là: $\angle FGA$ và $\angle AGC$; $\angle AGC$ và $\angle CGD$; $\angle CGD$ và $\angle DGF$; $\angle DGF$ và $\angle FGA$.	
	b) Các cặp góc đối đỉnh là: $\angle FGA$ và $\angle CGD$; $\angle DGF$ và $\angle AGC$	0,5
4		0,5
	a) Ta có: $\angle ACx + \angle ACB = 180^\circ$ (hai góc kề bù) nên $\angle ACx = 180^\circ - \angle ACB = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ$	0,5
	Vì Cy là tia phân giác của $\angle ACx$ nên $\angle xCy = \angle ACy = \frac{\angle ACx}{2} = \frac{140^\circ}{2} = 70^\circ$	0,5
	b) Ta có: $\angle ABC = \angle xCy = 70^\circ$	0,25
	Mà hai góc ở vị trí đồng vị nên $AB \parallel Cy$	0,25
5	<p>60 cm trên thực tế ứng với: $60 \cdot \frac{1}{20} = 3 \text{ (cm)}$ trên bản vẽ.</p> <p>Do đó khoảng cách trên bản vẽ là 2,5 cm thì không phù hợp với yêu cầu của kiến trúc sư.</p>	1,0

I. Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm) Em hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau.

Câu 1: Số đối của số hữu tỉ $-0,25$ là

- A. $-0,25$. B. $\frac{-1}{4}$. C. -4 . D. $0,25$.

Câu 2: Trong các số sau, số nào là số hữu tỉ âm?

- A. $\frac{0}{-2}$ B. $\frac{-2}{-1}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{-(-2)}{3}$

Câu 3: Khi biểu diễn số hữu tỉ a và b trên trục số nằm ngang ta thấy điểm a nằm bên phải điểm b thì

- A. $a < b$. B. $a > b$. C. $a = b$. D. $a = -b$.

Câu 4: Kết quả của phép tính $7^{10} : 7$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 7^9 . B. 7^{11} . C. 7^{10} . D. 1^{10} .

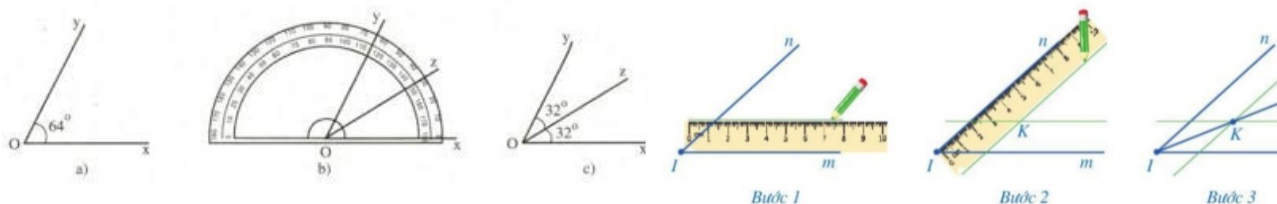
Câu 5: Với a, b, c là ba số hữu tỉ bất kì, nếu $a - b = c$ thì

- A. $a = b + c$. B. $a = -b + c$. C. $a = b - c$. D. $a = -b - c$.

Câu 6: Với x, y, z là ba số hữu tỉ bất kì, sau khi bỏ ngoặc ta được $x - (y + z)$ bằng

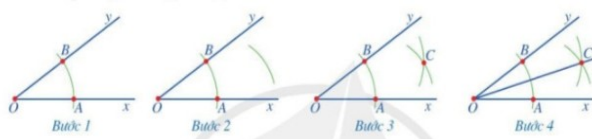
- A. $x - y + z$. B. $x - y - z$. C. $x + y - z$. D. $x + y + z$.

Câu 7: Trong các hình dưới đây, hình nào mô tả **không đúng** cách vẽ tia phân giác của một góc?

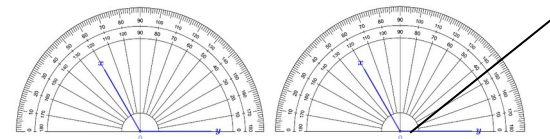


A. Hình 1.

B. Hình 2.



C. Hình 3.

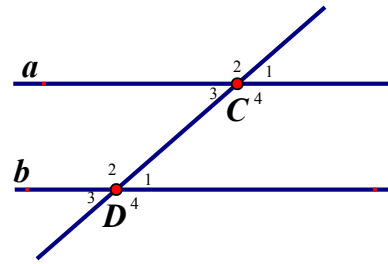


D. Hình 4.

Sử dụng Hình 5 để trả lời các câu hỏi từ Câu 8 đến Câu 10.

Câu 8: Góc C_4 kề bù với góc nào?

- | | |
|----------------|----------------|
| A. Góc D_4 . | B. Góc D_2 . |
| C. Góc C_2 . | D. Góc C_1 . |



Hình 5

Câu 9: Góc D_1 đối đỉnh với góc nào?

- A. Góc D_1 . B. Góc D_2 . C. Góc D_3 . D. Góc D_4 .

Câu 10: Nếu $a \parallel b$ thì số đo góc D_1 bằng số đo

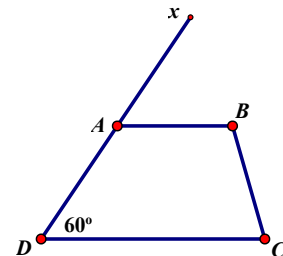
- A. góc C_1 . B. góc C_2 . C. góc C_4 . D. góc D_2 .

Câu 11: Qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. 0. B. 1. C. 2. D. Vô số.

Câu 12: Cho Hình 6, cần thêm điều kiện gì thì $AB \parallel DC$?

- A. $\angle BCD = 60^\circ$ B. $\angle BCD = 120^\circ$
C. $\angle BAD = 60^\circ$ D. $\angle A = 60^\circ$



Hình 6

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 13: (0,5 điểm) So sánh hai số hữu tỉ sau: $0,25$ và $\frac{1}{3}$

Câu 14: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $(-0,25) \cdot 40 + 3$ b) $\frac{1}{7} \cdot \frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \cdot \frac{1}{7}$ c) $\left[\left(\frac{2}{3} - \frac{1}{4} \right) + (-2)^2 \cdot 3 \right] - 1$

Câu 15: (2,0 điểm) Tìm x,
biết:

a) $x - 4 = \frac{1}{2}$

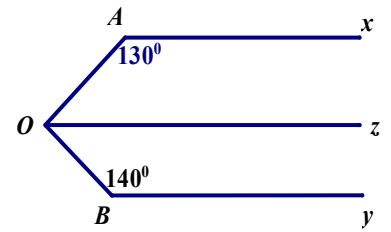
b) $2 \cdot (x - 1) = 3^3 - 1$

Câu 16: (1,5 điểm) (Học sinh không phải vẽ lại hình vào bài làm)

Cho Hình 7, biết $Ax \parallel Oz$ và $Ax \parallel By$.

- a) Tính số đo góc AOz .
b) Chứng tỏ rằng góc AOB là góc vuông.

c) Tia Oz có là tia phân giác của góc AOB không? Vì sao?



Hình 7

Câu 17: (1,0 điểm)

Để nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh, học sinh phải thực hiện việc test nhanh Covid trước khi đến trường. Giá ban đầu để test mẫu gộp là 40000 đồng/1 học sinh, mẫu đơn là 100000 đồng/1 học sinh. Do lớp 7A test sau ngày 21/2/2022 nên được giảm giá 30%.

a) Tính chi phí test nhanh Covid của lớp 7A biết có 13 em test mẫu gộp, 22 em test mẫu đơn.

b) Nếu chi phí test nhanh Covid cho 35 học sinh lớp 7A là 2030000 đồng thì có bao nhiêu em test mẫu đơn, bao nhiêu em test mẫu gộp?

Hết

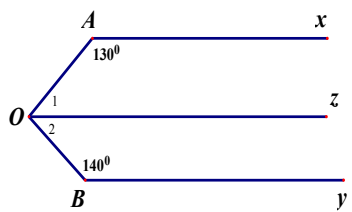
HDC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 7

I. Trắc nghiệm (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1.D	2.C	3.B	4.A	5.A	6.B	7.D	8.D	9.C	10.D	11.B	12.D
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

II. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 13 (0,5 điểm)	So sánh hai số hữu tỉ sau: $0,25$ và $\frac{1}{3}$	
	$0,25 = \frac{1}{4} = \frac{3}{12}; \quad \frac{1}{3} = \frac{4}{12}$ Ta có	0,25
	$\frac{3}{12} < \frac{4}{12}$ nên $0,25 < \frac{1}{3}$ Vì	0,25
Câu 14 (2,0 điểm)	Thực hiện phép tính:	
	a) $(-0,25) \cdot 40 + 3$ b) $\frac{1}{7} \cdot \frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \cdot \frac{1}{7}$ c) $\left[\left(\frac{2}{3} - \frac{1}{4} \right) + (-2)^2 \cdot 3 \right] - 1$	
	a) $(-0,25) \cdot 40 + 3 = 10 + 3$	0,25
	$= 13$	0,25
	b) $\frac{1}{7} \cdot \frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \cdot \frac{1}{7} = \frac{1}{7} \cdot \left(\frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \right)$	0,75
	$= \frac{1}{7} \cdot \frac{-16}{8} = \frac{-2}{7}$	0,25
	c) $\left[\left(\frac{2}{3} - \frac{1}{4} \right) + (-2)^2 \cdot 3 \right] - 1 = \left[\frac{5}{12} + 12 \right] - 1$	0,75
Câu 15 (2,0 điểm)	Tìm x, biết:	
	a) $x - 4 = \frac{1}{2}$ b) $2 \cdot (x - 1) = 3^3 - 1$	
	a) $x - 4 = \frac{1}{2}$	
	$x = \frac{1}{2} + 4$	0,25
	$x = \frac{9}{2}$	0,25
	Vậy...	0,25
	b) $2 \cdot (x - 1) = 3^3 - 1$	
	$2 \cdot (x - 1) = 8$	0,25
	$x - 1 = 4$	0,25

	$x = 4 + 1$ $x = 5$ Vậy....	0,25 0,25 0,25
Câu 16 (1,5 điểm)	<p>Cho hình 7, biết $Ax // Oz$ và $Ax // By$.</p> <p>a) Tính số đo góc AOz.</p> <p>b) Chứng tỏ rằng góc AOB là góc vuông.</p> <p>c) Tia Oz có là tia phân giác của góc AOB không? Vì sao?</p>	
	<p>a) Tính số đo góc AOz.</p> <p>Vì $Ax // Oz$ nên $\widehat{AOz} + \widehat{OAx} = 180^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{AOz} = 180^\circ - \widehat{OAx} = 180^\circ - 130^\circ = 50^\circ$</p>	0,25 0,25
	<p>b) Chứng tỏ rằng góc AOB là góc vuông.</p> <p>Vì $Ax // Oz$ và $Ax // By$ nên $Oz // By$.</p> <p>$\Rightarrow \widehat{O_2} + \widehat{OBy} = 180^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{O_2} = 180^\circ - \widehat{OBy} = 180^\circ - 140^\circ = 40^\circ$</p> <p>Do đó: $\widehat{AOB} = \widehat{O_1} + \widehat{O_2} = 50^\circ + 40^\circ = 90^\circ$</p>	0,25 0,25 0,25
	<p>c) Tia Oz có là tia phân giác của góc AOB không.</p> <p>Tia Oz không là tia phân giác của góc AOB vì:</p> <p>$\widehat{O_1} \neq \widehat{O_2}$</p>	0,25 0,25
Câu 17 (1,0 điểm)	<p>Để nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh, học sinh phải thực hiện việc test nhanh Covid trước khi đến trường. Giá ban đầu để test mẫu gộp là 40000 đồng/1 học sinh, mẫu đơn là 100000 đồng/1 học sinh. Do lớp 7A test sau ngày 21/2/2022 nên được giảm giá 30%.</p> <p>a) Tính chi phí test covid của lớp 7A biết có 13 em test mẫu gộp, 22 em test mẫu đơn.</p> <p>b) Nếu chi phí test covid cho 35 học sinh lớp 7A là 2030000 đồng thì có bao nhiêu em test mẫu đơn, bao nhiêu em test mẫu gộp?</p>	
	<p>a) Chi phí test cô vít của lớp 7A khi chưa được giảm giá là:</p> <p>$13.40000 + 22.100000 = 2720000$ (đồng)</p>	0,25
	<p>Chi phí test cô vít của lớp 7A sau khi được giảm giá là:</p> <p>$2720000.30\% = 1904000$ (đồng)</p>	0,25
	<p>b) Giả sử tất cả 35 em được test mẫu đơn thì chi phí là:</p> <p>$35.100000.0,7 = 2450000$ (đồng).</p> <p>Khi đó chi phí test mẫu gộp nhiều hơn so với thực tế là</p> <p>$2450000 - 2030000 = 420000$ (đồng).</p> <p>Số tiền test 1 mẫu đơn nhiều hơn test 1 mẫu gộp là</p> <p>$100000.0,7 - 40000.0,7 = 42000$ (đồng).</p>	0,25

Vậy số học sinh test mẫu gộp là: $420000 : 42000 = 10$ (học sinh), số học sinh test mẫu đơn là: $35 - 10 = 25$ (học sinh).	0,25
--	-------------

Hết

KIỂM TRA GIỮA KÌ I-ĐỀ 3
Môn Toán – Lớp 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**Câu 1.** Chọn khẳng định đúng

- A.** $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$. **B.** $\frac{3}{2} \in \mathbb{Z}$. **C.** $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$. **D.** $-6 \in \mathbb{Z}$.

Câu 2. Số hữu tỉ dương là

- A.** $\frac{-11}{3}$. **B.** $\frac{-12}{5}$. **C.** $\frac{-5}{-7}$. **D.** $\frac{15}{-13}$.

Câu 3. Kết quả phép tính $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \cdot \frac{-21}{35}$ là

- A.** $\frac{3}{35}$. **B.** $\frac{-21}{35}$. **C.** $\frac{-11}{35}$. **D.** $\frac{11}{35}$.

Câu 4. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} - x = \frac{1}{3}$ bằng

- A.** $\frac{7}{30}$. **B.** $\frac{-1}{15}$. **C.** $\frac{11}{15}$. **D.** $\frac{1}{15}$.

A.**Câu 5.** Căn bậc hai số học của 81 là

- A.** 9 và (-9) **B.** $\frac{-1}{81}$. **C.** -9 . **D.** 9.

A.**Câu 6.** Khẳng định đúng là

- A.** $|-3,5| = -3,5$ **B.** $|-3,5| = 3,5$. **C.** $|-3,5| = \pm 3,5$ **D.** $|-3,5| > 3,5$.

A.**Câu 7.** Số nào trong các số dưới đây viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn

- A.** $\frac{-7}{15}$. **B.** $\frac{-7}{24}$. **C.** $\frac{-5}{32}$. **D.** $\frac{12}{45}$.

Câu 8. Giá trị của x trong đẳng thức $|x| - 0,6 = 1,4$ là

- A.** 2 hoặc -2. **B.** 0,6 hoặc -0,6. **C.** 2. **D.** -2.

Câu 9. Giá trị của đẳng thức $\sqrt{2+3+4+3+4}$

A. 16.

B. -16.

C. 4.

D. -4.

Câu 9. Cho đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì

A. $a \parallel b$.

B. a cắt b .

C. a vuông góc với b .

D. a trùng với b .

Câu 10. Cho ba đường thẳng phân biệt a , b , c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?

A. $a \parallel b$.

B. $c \parallel b$.

C. $c \perp b$.

D. $c \parallel a$.

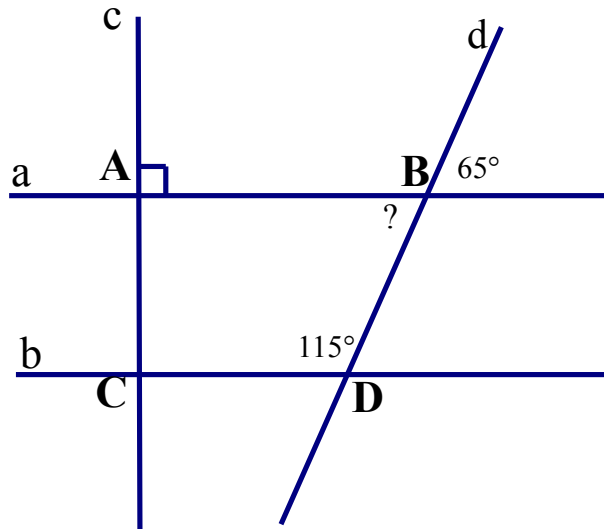
Câu 11. Cho hình vẽ số đo góc “?” ở hình vẽ là

A. 130° .

B. 65° .

C. 90° .

D. 50° .



Câu 12. Cho hình vẽ số đo góc tại đỉnh C ở hình vẽ là

A. 115° .

B. 65° .

C. 90° .

D. 50°

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm)

a) So sánh: $-3,7634$ và $-3,7654$.

b) Thực hiện các phép tính sau

a. $\frac{2}{9} - \left(\frac{1}{2}\right)^2 + \frac{5}{18}$

b. $17\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-5}{7}\right) - 10\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-5}{7}\right)$

Bài 2. (1,75 điểm) Tìm x , biết

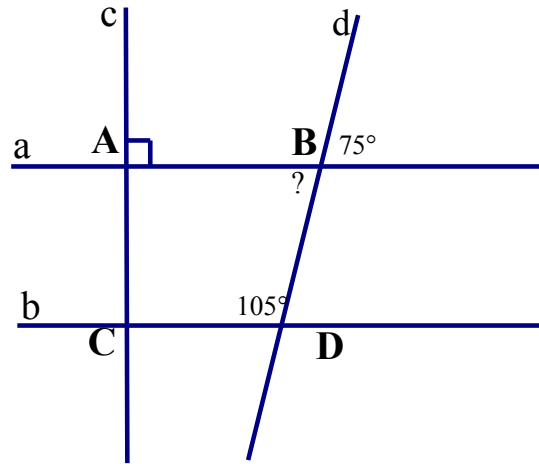
a. $x + 4,5 = 7,5$

b. $\frac{2}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{4}{9}$

c. $|x| - 0,7 = 1,3$

Bài 3. (2,25 điểm) Cho hình vẽ bên.

- a) Tính số đo $\widehat{ABD}$?
 b) Chứng minh: $a \parallel b$.
 c) Chứng minh: $c \perp b$.



Bài 4. (1,0 điểm). So sánh A và B biết:

$$A = \frac{2022^{2022} + 1}{2022^{2023} + 1} \quad \text{và} \quad B = \frac{2022^{2021} + 1}{2022^{2022} + 1}$$

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 7

TT (1)	Chương / Chủ đề. (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổ ng % điể m (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chương I: số hữu tỉ. (14 tiết)	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	2 (0,5đ) C1+C2			1 (0,5 đ)					1,0đ
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>			2 (0,5đ) C3+C4	1 (0,75)		1 (0,75đ)		1 (1,0 đ)	3,0đ
2	Chương II: số thực. (10 tiết)	<i>Căn bậc hai số học</i>	1 (0,25đ) C5								0,25 đ
		<i>Số vô tỉ. Số thực</i>	2 (0,5đ)		2 (0,5đ)			3 (1,75đ)			2,75 đ

			C6+C7		C8+C9						
3	Chương III: Góc và đường thẳng song song. (11 tiết)	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	1 (0,25đ) C11	1 (1,0đ)							1,25 đ
		<i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</i>	2 (0,5đ) C10 +C12			1 (0,75 đ					1,25 đ
		<i>Khái niệm định lí, chứng minh một định lí</i>						1 (0,5 đ)			0,5đ
Tổng			2,0 đ	1,0đ	1,0đ	2,0đ		3,0đ		1,0đ	10đ
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		100 %
Tỉ lệ chung			60%				40%				100 %

II. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN -LỚP 7

T T	Chương/ Chủ đề:	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thông	Vận	Vận dụng cao

				biết	hiểu	dụng	
	Chương I:						
	Số hữu tỉ						
1		Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2 (TN)			
			Thông hiểu – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.		1 (TL)		
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				
		Các phép tính với số hữu tỉ và thứ tự thực hiện các phép tính	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa).		2(TN) 1(TL)		

			– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).			1 (TL)	
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1(TL)

	Chương II: Số thực.						
	Số thực	<i>Căn bậc hai số học</i>	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. 	1(TN)			
			Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. 				
		<i>Số vô tỉ. Số thực</i>	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết được số đối của một số thực. Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số 	2(TN)	2 (TN)		

			<p>thực.</p> <p>– Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.</p>				
			<p>Vận dụng:</p> <p>– Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.</p>			3(TL)	
	Chương III: Góc và đường thẳng song song.						
3	Góc	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	<p>Nhận biết :</p> <p>– Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).</p> <p>– Nhận biết được tia phân giác của một góc.</p> <p>– Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập</p>	1(TN) 1(TL)			
4	Đường thẳng song song.	<i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề</i>	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.</p>	2(TN))			

		<i>Euclid về đường thẳng song song</i>	<i>Thông hiểu:</i> – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		1(TL)		
5		<i>Khái niệm định lý, chứng minh một định lý</i>	<i>Nhận biết:</i> - Nhận biết được thế nào là một định lý.				
			<i>Thông hiểu:</i> - Hiểu được phần chứng minh của một định lý;				
			<i>Vận dụng:</i> - Chứng minh được một định lý;			1(TL)	
	Tổng			3,0	3,0	3,0	1,0
	Tỉ lệ %			30%	30%	30%	10%
	Tỉ lệ chung						